

Số: /QĐ-UBND Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xây dựng Nhà lớp học kết hợp Nhà hiệu bộ 3 tầng Trường THCS Triệu Thị Trinh, huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nhà lớp học kết hợp nhà hiệu bộ 3 tầng, trường THCS Triệu Thị Trinh, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-BQLDA ngày 21/9/2021 của Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Văn bản số 82/TTKĐ-TVXD ngày 28/02/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa về kết quả thẩm tra thiết kế BVTC và DT công trình Xây dựng Nhà lớp học kết hợp Nhà hiệu bộ 3 tầng Trường THCS Triệu Thị Trinh, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 104/TĐ-KTHT ngày 24/3/2022 (kèm theo Tờ trình số 100/TTr-BQLDA ngày 08/3/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xây dựng Nhà lớp học kết hợp Nhà hiệu bộ 3 tầng Trường THCS Triệu Thị Trinh, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây dựng Nhà lớp học kết hợp Nhà hiệu bộ 3 tầng Trường THCS Triệu Thị Trinh, huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

5. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Lam Kinh.

6. Nhà thầu thẩm tra: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

7. Giải pháp thiết kế:

7.1. Hạ tầng kỹ thuật:

- Sân lát gạch Teraroo diện tích: 623,0m².

- Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Bố trí hệ thống hố ga, rãnh thoát nước đầu nổi ra hệ thống thoát nước khu vực. Hố ga số lượng: 06 cái, kích thước 1,04x1,04m; rãnh thoát nước dài 115,0m, rộng 0,52m. Thành hố ga, rãnh thoát nước xây gạch, tấm đan bằng BTCT dày 80mm.

7.2. Nhà lớp học kết hợp Nhà hiệu bộ 3 tầng:

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 448,0m². Chiều cao công trình tính từ cos sân đến đỉnh mái là 13,25m, trong đó: chiều cao tầng 1, tầng 2, tầng 3: 3,6m; chiều cao phần mái: 2,0m; cốt nền nhà +0.000 cao hơn so với cốt sân là: 0,45m.

Mặt bằng tầng 1 bố trí: 01 phòng truyền thống đoàn đội, 01 phòng chi bộ, 01 phòng tổ xã hội, 01 phòng tổ tự nhiên, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng hiệu phó, 01 phòng hành chính, 01 phòng nghỉ giáo viên, 01 phòng hội trường, 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 2 bố trí: 03 phòng học, 01 phòng hiệu phó, 01 phòng thư viện, 01 phòng kho, 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 3 bố trí: 04 phòng học, 02 phòng chuẩn bị, 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,4m; giao thông đứng bằng 02 cầu thang bộ (thang chính bố trí giữa nhà và thang phụ bằng sắt bố trí đầu nhà).

Tường xây bằng gạch không nung VXM mác 75. Trát tường trong, tường ngoài nhà, trát cột, dầm, trần, cạnh cửa VXM mác 75.

Nền phòng, hành lang lát gạch Ceramic KT 600x600mm. Nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT 300x300mm. Bậc tam cấp, bậc thang xây gạch không nung VXM mác 75, bậc lát đá Granite.

Lan can hành lang bằng sắt hộp 20x40x2mm, 40x80x2mm; lan can cầu thang 20x40x1.4mm, 40x80x2mm. Hệ thống cửa đi và cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính dày 6,38mm, hoa sắt cửa sổ bằng thép vuông 13x26x2mm. Mái xây tường thu hồi, gác xà gồ thép lợp tôn.

b) Giải pháp kết cấu:

Kết cấu phần móng công trình sử dụng móng cọc bằng BTCT mác 250 đá 1x2. Cọc tiết diện 0,2x0,2m, chiều dài cọc 12,0m. Sức chịu tải của cọc $P=20T$.

Kết cấu phần thân sử dụng khung cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình: 220x220mm; 220x400mm. Tiết diện dầm điển hình: 220x300mm; 220x500mm. Sàn BTCT các tầng dày 120mm.

c) Giải pháp phân điện:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện tổng của khu vực sử dụng dây dẫn tiết diện CU/XLPE/PVC 4x35mm². Dây dẫn từ tủ điện tổng cấp điện cho tầng tiết diện CU/XLPE/DSTA/PVC 2x10 mm². Dây điện cấp cho điều hòa các phòng (2x4)mm², cấp cho ổ cắm (2x2,5)mm², cấp cho công tắc đèn, quạt 2x1,5mm². Dây điện luồn trong ống ghen nhựa đi chìm trong tường, trần.

Hệ thống mạng lan, internet: Đầu nối tín hiệu từ nhà cung cấp đến Modem tổng toàn nhà, sau đó đầu nối tới các đầu mạng tại các phòng. Lắp đặt modem phát wifi tại các tầng.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét D14 dài 1,0m, dây dẫn sét D10, cọc tiếp địa L63x63x6, dây tiếp địa 40x4mm.

d) Giải pháp thoát nước:

Giải pháp cấp nước: Nguồn nước cấp cho lấy từ nguồn nước khu vực cấp đến bể nước ngầm, sau đó được bơm lên téc nước mái có dung tích 2m³. Nước cấp cho các thiết bị nhà vệ sinh được lấy từ téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh bằng ống PPR.

Giải pháp thoát nước: Thoát nước thải từ xí, tiêu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo, khu bếp được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

7.3. Hạng mục: Nhà bơm và Hệ thống PCCC

- Nhà bơm: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 3,1x3,8m (tính từ tim đến tim). Chiều cao công trình là 3,04m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái). Tầng 01 cao 2,5m, phần seno mái cao 0,3m, cos nền cao hơn cốt sân 0,24m. Tường xây bằng gạch không nung VXM mác 50. Trát tường trong, tường ngoài nhà, trát cột, dầm, trần, cạnh cửa VXM mác 50. Nền láng vữa xi măng mác 75. Kết cấu móng đơn bằng BTCT mác 250, kích thước móng 1,2x1,2m, kết cấu khung cột dầm sàn BTCT mác 250, tiết diện cột 220x220mm, tiết diện dầm 220x300mm, sàn dày 100mm.

- Bể nước PCCC: Kích thước 6,0x6,0mx2,9m, thành bể xây gạch dày 220mm, mặt bể, đáy bể bằng BTCT đá 1x2 mác 200.

- Hệ thống chữa cháy cho hạng mục Nhà lớp học kết hợp Nhà hiệu bộ 3 tầng: Sử dụng họng chữa cháy vách tường; bình chữa cháy; bình chữa cháy; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống đèn Exit, đèn chiếu sáng sự cố.

7.4. Hạng mục: Cải tạo nhà cấp 4 (03 phòng học)

a) Quy mô, hiện trạng:

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 7,8x25,6m (tính từ tim đến tim). Chiều cao công trình là 5,0m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái). Tầng 01 cao 3,2m, phần mái cao 1,5m, cos nền cao hơn cốt sân 0,3m. Kết cấu công trình sử dụng kết cấu khung cột dầm sàn BTCT đổ liền khối. Hiện trạng một số hạng mục công trình xuống cấp, cụ thể:

- Hệ thống cửa bị phai màu sơn.
- Tường một số vị trí bong tróc ẩm mốc, lớp vôi ve phai màu.
- Nền phòng hành lang một số vị trí bong tróc, hư hỏng.

b) Giải pháp cải tạo công trình:

- Tháo dỡ hệ thống cửa, vệ sinh sơn, lắp đặt lại.
- Đục tường các vị trí ẩm mốc (20% diện tích), sau đó trát lại.
- Toàn bộ trần đóng trần nhựa thả KT 600x600mm.
- Vệ sinh bề mặt tường, vôi ve lại toàn bộ.
- Lát lại nền gạch bị hư hỏng (20 m²).

7.5. Các hạng mục phá dỡ:

a) Nhà hiệu bộ 2 tầng (phá dỡ):

Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 7,8x16,4m (tính từ tim đến tim). Chiều cao công trình là 9,5m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái). Tầng 01, tầng 2 cao 3,6m, phần mái cao 1,85m, cos nền cao hơn cốt sân 0,45m. Kết cấu công trình sử dụng kết cấu khung cột dầm sàn BTCT đổ liền khối. Tường xây gạch đất sét nung, vữa xây, vữa trát bằng vữa tam hợp, bề mặt quét vôi ve. Hệ thống đi, cửa sổ sử dụng cửa gỗ kính.

b) Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (phá dỡ):

Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 7,8x25,2m (tính từ tim đến tim). Chiều cao công trình là 9,5m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái). Tầng 01, tầng 2 cao 3,6m, phần mái cao 1,85m, cos nền cao hơn cốt sân 0,45m. Kết cấu công trình sử dụng kết cấu tường xây chịu lực, dầm sàn mái bằng BTCT đổ liền khối. Tường xây gạch đất sét nung, vữa xây, vữa trát bằng vữa xi măng, bề mặt quét vôi ve. Hệ thống đi, cửa sổ sử dụng cửa gỗ kính.

8. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

8.1. Giá trị dự toán: 14.837.458.000 đ.

(Mười bốn tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm năm tám nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	11.369.433.000 đ
- Chi phí thiết bị	1.201.695.000 đ
- Chi phí QLDA	388.502.000 đ

- Chi phí TVĐTXD	1.359.140.000 đ
- Chi phí khác	227.757.000 đ
- Chi phí dự phòng	290.931.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

8.2. Nguồn vốn: Ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2021÷2022.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án đảm bảo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG NHÀ LỚP HỌC KẾT HỢP NHÀ HIỆU BỘ 3 TẦNG TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH, HUYỆN TRIỆU SƠN

Đơn vị tính: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	10.452.925.936	916.507.176	11.369.433.000
1	Phá dỡ	158.882.986	12.788.149	171.671.135
2	Nhà lớp học kết hợp nhà hiệu bộ 3T	9.155.837.029	808.485.897	9.964.322.926
3	Rãnh thoát nước quanh nhà, sân bê tông	301.266.746	25.168.171	326.434.917
4	Bể phốt + Bể PCCC	174.146.611	15.046.465	189.193.076
5	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	581.231.566	48.452.829	629.684.395
6	Cải tạo nhà C4, 3 phòng	81.560.998	6.565.665	88.126.663
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	1.092.450.000	109.245.000	1.201.695.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	388.501.900		388.502.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	1.254.342.000	104.797.000	1.359.140.000
1	Chi phí khảo sát	82.609.091	8.260.909	90.870.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát	2.478.182	247.818	2.726.000
3	Giám sát khảo sát	3.363.636	336.364	3.700.000
4	Lập báo cáo KT-KT	445.536.057	35.642.885	481.178.942
5	Thẩm tra thiết kế	26.759.490	2.140.759	28.900.250
6	Thẩm tra dự toán	26.027.786	2.082.223	28.110.008
7	Tư vấn lựa chọn nhà thầu TCXD	44.738.523	3.579.082	48.317.605
8	Tư vấn lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	4.009.292	320.743	4.330.035
9	Giám sát thi công xây dựng	341.288.032	27.303.043	368.591.074
10	Giám sát lắp đặt thiết bị	9.220.278	737.622	9.957.900
11	Thẩm định giá thiết bị	9.811.818	981.182	10.793.000
12	Tư vấn kiểm định đánh giá chất lượng hiện trạng công trình	124.240.909	12.424.091	136.665.000
13	Thí nghiệm nén tĩnh cọc	134.259.259	10.740.741	145.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC	217.442.229	10.314.796	227.757.000
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	2.818.482		2.818.482
2	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu TCXD	10.452.926		10.452.926
3	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu lắp đặt TB	2.000.000		2.000.000
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	70.101.662		70.101.662
5	Bảo hiểm công trình	12.543.511	1.254.351	13.797.862
6	Thẩm duyệt PCCC	1.434.459		1.434.459
7	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	27.486.742		27.486.742
8	Kiểm toán	90.604.447	9.060.445	99.664.892
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	268.113.241	22.817.279	290.931.000
	TỔNG CỘNG (I+II+...+VI)	13.673.775.307	1.163.681.251	14.837.458.000

Bảng chữ: Mười bốn tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm năm tám nghìn đồng./.